

BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN

THÁNG 9 NĂM 2019

CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC VÀ BIÊN TẬP NỘI DUNG:

**CỤC CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)24 62968244

Fax : +84 (0)24 37711125

Email : thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website : <http://agrotrade.gov.vn>

NGUỒN DỮ LIỆU:

**TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

Địa chỉ: số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)24 37341635

Fax : +84 (0)24 38230381

Email : trangtin@mard.gov.vn

Website : www.mard.gov.vn

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN THÁNG 09/2019 – TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường thế giới & Những thông tin nổi bật

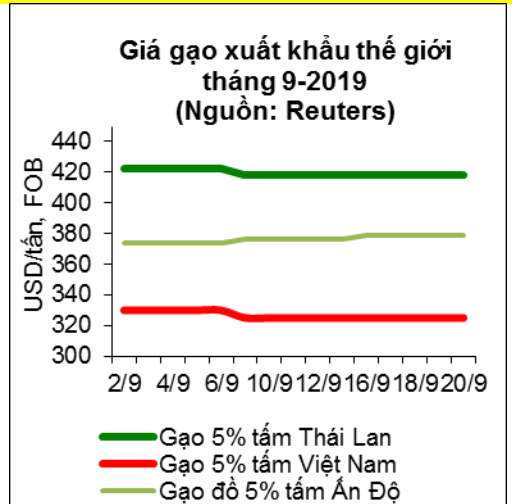
- Giá gạo xuất khẩu Ấn Độ tăng nhờ đồng Rupee hồi phục, đồng Baht tăng lại giúp giá gạo Thái Lan ổn định ở mức cao trong gần 1 năm qua và đắt hơn so với các đối thủ cạnh tranh khác ở châu Á, trong khi nhu cầu tiêu thụ ẩm đạm giữ giá gạo Việt Nam ở mức thấp gần 12 năm.
- Giá cà phê giảm do đồng tiền Reais của Brazil duy trì ở mức thấp tiếp tục thúc đẩy người Brazil mạnh tay bán, trong khi dự báo tình hình thời tiết thuận lợi cho các vùng trồng cà phê chính ở miền nam nước này.
- Giá lợn nạc giao tháng 10/2019 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm do nguồn cung thịt lợn Hoa Kỳ đang ở mức cao.
- Thị trường đường thế giới tiếp tục xu hướng đi xuống vào đầu tháng 9 do áp lực nguồn cung dư thừa trong ngắn hạn và dự báo trong dài hạn thị trường sẽ chuyển thành thiếu hụt.

Thị trường trong nước & Những thông tin nổi bật

- Giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tăng giảm trái chiều trong tháng qua trong bối cảnh nhu cầu xuất khẩu ẩm đạm.
- Giá chanh ở ĐBSCL giảm thấp do nhu cầu tiêu thụ của thị trường giảm, trong khi cung đang vượt cầu. Mặt khác, mưa bão kéo dài khiến cho sức tiêu thụ giảm theo. Giá thanh long ruột trắng tăng cao do nhu cầu xuất khẩu trái cây này hút hàng, nhất là thị trường Trung quốc.
- Giá tiêu trong nước trong xu hướng giảm do nguồn cung toàn cầu tăng.
- Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trở lại xu hướng giảm do tốc độ cung tăng nhanh hơn cầu. Thị trường giao dịch trầm lắng, các công ty hiện nay hầu như rất ít bắt cá ngoài mà ưu tiên thu hoạch cá trong vùng nuôi của doanh nghiệp và thu mua theo hợp đồng liên kết với các hộ nuôi cá.
- Giá tôm nguyên liệu trong tháng 9 có xu hướng nhích lên so với tháng trước với cả tôm sú và tôm thẻ chân trắng do cung giảm. Nguồn cung tôm thẻ hiện ở mức thấp, trong khi nhu cầu tăng do thị trường xuất khẩu có dấu hiệu khởi sắc khiến giá tôm thẻ có xu hướng gia tăng.

Thị trường thế giới

Trên thị trường thế giới, giá gạo xuất khẩu Ấn Độ tăng nhờ đồng Rupee hồi phục, đồng Baht tăng lại giúp giá gạo Thái Lan ổn định ở mức cao trong gần 1 năm qua và đắt hơn so với các đối thủ cạnh tranh khác ở châu Á, trong khi nhu cầu tiêu thụ ẩm đạm giữ giá gạo Việt Nam ở mức thấp gần 12 năm. Nguồn cung được quan tâm nhiều hơn khi mực nước lưu vực sông Mekong đang hỗ trợ tích cực cho tình hình sản xuất lúa gạo các nước khu vực Đông Nam Á. Trong khi nhu cầu vẫn hạn chế do thị trường toàn cầu đang chìm vào nỗi lo chiến tranh thương mại, suy thoái và đồng đô la Mỹ tăng giá làm hạn chế sức mua.



Tại Ấn Độ, gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ tăng từ 396 – 374 USD/tấn lên 373 – 379 USD/tấn, bất chấp nhu cầu giảm từ các nước châu Phi. Đồng Rupee hồi phục trở lại từ mức thấp 2 tuần đạt được vào đầu tuần qua. Sức mua từ các nước Tây Phi, đặc biệt là Benin đã giảm nhiều.

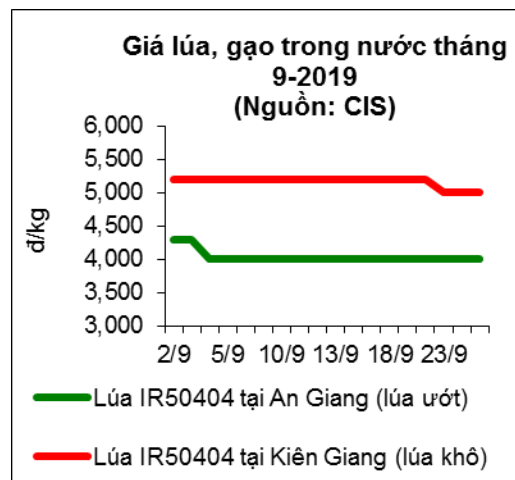
Tại Việt Nam, gạo 5% tấm của Việt Nam giảm từ 325 – 330 USD/tấn xuống 325 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn), mức thấp nhất kể từ tháng 11/2007. Giá gạo giảm do hoạt động giao dịch trầm lắng do nhu cầu yếu. Thiếu vắng nhu cầu mới làm đóng băng thị trường gạo Việt Nam, với giá hiện ở mức thấp hơn 13% so với đầu năm.

Gạo 5% tấm của Thái Lan giảm từ 410 – 422 USD/tấn xuống 400 – 418 USD/tấn (FOB Băng Cốc). Giá giảm do nhu cầu tiêu thụ thấp và biến động không đáng kể về tỉ giá hối đoái giữa đồng Baht và USD. Với mức trung bình 409 USD/tấn, gạo Thái đang ở mức gần cao nhất kể từ tháng 6/2018. Nhu cầu thấp do giá cao khiến người mua nản lòng. Đồng Baht cao giá khiến giá gạo Thái khó cạnh tranh với các đối thủ khác trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, lo ngại về nguồn cung do lũ lụt kéo dài ở đồng bắc Thái Lan cùng với ước tính thiệt hại trên 240.000 ha đất nông nghiệp gây ra bởi bão Podul.

Thị trường trong nước

Giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tăng giảm trái chiều trong tháng qua trong bối cảnh nhu cầu xuất khẩu ẩm đạm. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa IR50404 giảm 300 đ/kg xuống còn 4.000 đ/kg, lúa OM 5451 tăng 100 đ/kg lên 5.100 đ/kg; lúa OM4218 ổn định ở mức 4.800 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 10.000 – 11.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa Thu Đông giảm 100 đ/kg xuống còn 4.200 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa Hè Thu muộn tăng 300 đ/kg lên 5.000 – 5.300 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giảm 200 đ/kg xuống 5.000 đ/kg; lúa OM 4218 giảm 200 đ/kg xuống 5.200 – 5.500 đ/kg; lúa OM 6976 giảm 100 đ/kg xuống 5.300 – 5.500 đ/kg; lúa Jasmine giảm 100 đ/kg xuống 5.600 – 5.800 đ/kg.

Tính trong 9 tháng, giá lúa diễn biến theo xu hướng giảm, với mức giảm 600 – 800 đ/kg đối với lúa thường IR50404 và 100 – 200 đ/kg đối với lúa chất lượng cao. Cụ thể, lúa IR50404 tại An Giang giảm từ 4.750 đ/kg (mức cao nhất trong 9 tháng) xuống 4.000 đ/kg (hiện nay); tại Vĩnh Long giảm từ 4.800 đ/kg xuống còn 4.200 đ/kg. Lúa chất lượng cao tại Bạc Liêu giảm từ 5.000 – 5.400 đ/kg xuống còn 5.000 – 5.300 đ/kg.



Xuất khẩu gạo của Việt Nam

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (CIS), khối lượng gạo xuất khẩu tháng 9 năm 2019 ước đạt 586 nghìn tấn với giá trị đạt 251 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 5,2 triệu tấn và 2,24 tỷ USD, tăng 5,9% về khối lượng nhưng giảm 9,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá gạo xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 435 USD/tấn, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm 2018. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019 với 36,1% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2019 đạt 1,76 triệu tấn và 720,4 triệu USD, gấp 2,9 lần về khối lượng và gấp 2,6 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tám tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Úc (75,2%), Bờ Biển Ngà (+57,1%), Irắc (34,8%), Hồng Kông (+34,7%), Tanzania (+34,1%) và Ả rập xê út (+27%) .

Khuyến nghị

Dự báo giá lúa, gạo trong nước có thể giảm nhẹ do thiếu vắng nhu cầu mới, thị trường xuất khẩu gạo bế tắc.

THỊT

Thị trường thế giới

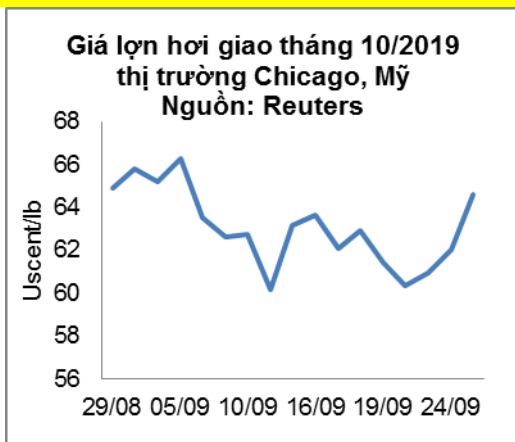
Giá lợn nạc giao tháng 10/2019 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 2,9 UScent/lb xuống còn 62,925 UScent/lb. Giá thịt lợn giảm do nguồn cung thịt lợn Hoa Kỳ đang ở mức cao.

Trung Quốc có kế hoạch xả kho dự trữ thịt lợn lần hai nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định trước mùa lễ Quốc khánh năm nay, vì giá thịt lợn đã tăng hơn 70% do dịch tả heo châu Phi bùng phát trên toàn quốc.

Hôm 24/9/2019, Trung tâm Quản lý Dự trữ Hàng hóa Trung Quốc (CMRMC), một công ty nhà nước chịu trách nhiệm quản lý kho dự trữ thực phẩm, cho biết họ sẽ bán đấu giá 10.000 tấn thịt lợn dự trữ vào ngày 26/9/2019.

Theo Global Times, đây là lần thứ hai trong tháng 9 chính phủ Trung Quốc xả kho dự trữ thịt lợn để đảm bảo nguồn cung thịt. Lần đầu tiên diễn ra vào ngày 19/9/2019 và khối lượng cũng là 10.000 tấn.

Khối lượng thịt lợn mang ra đấu giá có nguồn gốc từ thị trường Mỹ, Đức, Pháp, Đan Mạch, Chile và Hà Lan. Theo một tuyên bố đăng tải trên trang web của Bộ Thương mại Trung Quốc vài ngày sau đợt xả kho dự trữ đợt một, nguồn cung thịt lợn ở thị trường tỉ dân nhìn chung đã ổn định vì nhập khẩu thịt tăng đáng kể và dự trữ thịt lợn đông lạnh vẫn duy trì ở mức cao. Bộ này cũng lưu ý rằng giá thịt lợn trong nước



đã tăng đáng kể, bất chấp nhu cầu đang giảm dần. Trung Quốc, nước tiêu thụ thịt lợn lớn nhất thế giới, phải đối mặt với tình trạng thịt lợn tăng giá đột biến trong những tháng gần đây. Đối mặt với giá cả tăng vọt và nguồn cung thu hẹp, một số chính quyền địa phương đã chủ động thực hiện biện pháp khắc phục.

Trích dẫn số liệu từ ngày 16 đến 22/9/2019, Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết giá thịt lợn tăng thời gian gần đây đã chững lại. Thống kê cho thấy giá thịt lợn đã giảm 0,4% xuống 36,39 nhân dân tệ (tương đương 5,12 USD)/kg. Ổn định giá thịt lợn cũng sẽ góp phần duy trì chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở mức hợp lí.

Thị trường trong nước

Trong tháng 9/2019, giá lợn hơi trong nước biến động giảm. Tại miền Bắc, giá lợn hơi giảm 1.000 – 2.000 đ/kg. Tại Hà Nam, lợn hơi được thu mua trong khoảng 40.000 - 47.000 đ/kg; Hoà Bình đạt 45.000 đ/kg. Hưng Yên, Tuyên Quang, Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Yên Bái giá ở mức 44.000 - 47.500 đ/kg. Một số địa phương còn lại giá lợn hơi cao hơn khoảng 2.500 - 4.000 đ/kg, ghi nhận ở mức 48.000 - 50.000 đồng.

Tại miền Trung, Tây Nguyên, giá lợn hơi đang dao động trong khoảng 39.000 - 45.000 đ/kg; giảm 2.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, mức giá cao nhất 45.000 đ/kg tại Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Các tỉnh Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa giá ổn định trong khoảng 40.000 - 41.000 đ/kg; tại Đắk Lắk cũng dao động quanh 39.000 - 42.000 đ/kg.

Giá lợn hơi tại miền Nam giảm ở nhiều địa phương với mức giảm 1.000 – 5.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại Gia Kiệm (Đồng Nai) có nơi đạt 47.000 đ/kg; Cẩm Mỹ (Đồng Nai) đạt 42.000 đ/kg. Bình Dương, Bình Phước tiếp tục duy trì mức 41.000 đ/kg – 42.000 đ/kg. Tại Tây Nam Bộ, giá lợn hơi vẫn ở mức thấp 37.000 đ/kg – 40.000 đ/kg. Tính chung toàn khu vực, lợn hơi đang được thu mua phổ biến trong khoảng 37.000 - 42.000 đ/kg.

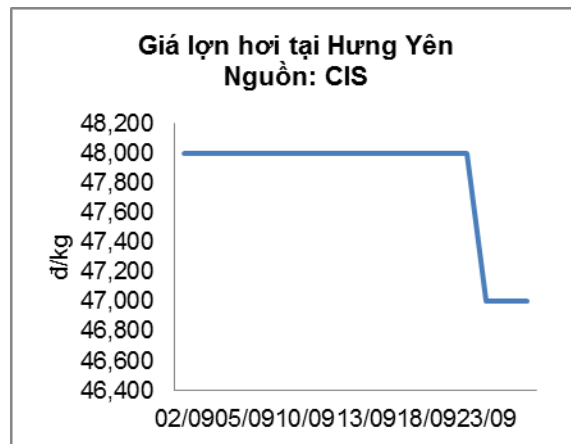
Giá thu mua gà tại trại ở Đông Nam Bộ và ĐBSCL giảm mạnh trong tháng 9. So với tháng 8, giá gà thịt lông màu tại hai khu vực này giảm 8.000 đ/kg xuống còn 30.000 – 31.000 đ/kg. Giá gà thịt lông trắng giảm 4.000 – 6.000 đ/kg xuống mức 12.000 – 16.000 đ/kg. Giá gà giảm mạnh do thời gian qua đã tăng đàn gà ở ạt, cùng lúc đó nguồn hàng nhập khẩu tràn về quá nhiều dẫn đến thừa nguồn cung.

Nhìn lại 9 tháng đầu năm 2019, giá lợn hơi cả nước trong xu hướng giảm là chủ đạo do chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi. So với cuối năm 2018, giá lợn hơi miền Bắc giảm 1.000 – 2.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên giảm 1.000 – 6.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam giảm 6.000 – 9.000 đ/kg.

Nguồn cung lợn tại Việt Nam và các nước lân cận, nhất là lượng lợn từ Trung Quốc cũng đang giảm mạnh vì bị ảnh hưởng do dịch tả lợn châu Phi. Với sự thiếu hụt nghiêm trọng về sản lượng thịt, dự báo, giá lợn hơi dịp cuối năm và Tết Nguyên đán 2020 sẽ tăng cao.

Khuyến nghị

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2019 ước đạt 67 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 529 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tám tháng đầu năm 2019 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm đạt gần 20 triệu USD, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2018; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ lợn đạt 44,7 triệu USD, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2018.



Thị trường thế giới

Giá nguyên liệu cá ngừ vẫn đã bắt đầu giảm trở lại, sau khi phục hồi một phần trong thời gian gần đây sau khi đạt mức thấp kỷ lục vào tháng 6 và 7. Giá cá ngừ vẫn giao hàng trong tháng 9 đến trung tâm chế biến của Bangkok, Thái Lan đã thấp hơn so với đầu tháng khi được thiết lập ở mức giá 1.350 - 1.400 USD/tấn.

Theo các thương nhân, giá tại Bangkok đã giảm xuống còn 1.250 - 1.300 USD/tấn vào tuần trước và sẽ tiếp tục giảm xuống 1.100 USD/kg trong vài ngày nữa. Dự đoán giá trong tháng 10 sẽ ổn định hoặc giảm nhẹ xuống còn 1.000 USD/tấn do hoạt động đánh bắt tốt ở Tây và Trung Thái Bình Dương vào tháng 8.

Ở Ecuador, giờ đã bước sang giai đoạn đầu tiên của lệnh cấm veda, có 40% đội tàu IATTC trên biển. Tổng cung khá thấp, nhưng vẫn chưa được đánh giá là quá xấu. Trên thực tế, giá cá ngừ tại Ecuador hiện nay ở mức cao nhất trên thị trường cá ngừ vẫn thế giới với 1.400 USD/tấn. tại thời điểm này, giá vẫn có xu hướng tăng trong khi không có bất kỳ triển vọng nào về việc thị trường sẽ ổn định hay suy giảm.

Giá tôm Ecuador đông lạnh còn đầu, còn vỏ (HOSO) cỡ 40-50 đang có giá 5,90-5,95 USD/kg, tăng từ mức thấp gần đây 5,70 USD/kg hoặc 5,65 USD/kg trong thời điểm giữa tháng 8/2019. Một công ty chế biến khác đưa ra mức giá 6,85 USD/kg đối với tôm HOSO, cỡ 30-40 con, 5,95 USD/kg đối với tôm cỡ 40-50 và 5,65 USD/kg đối với cỡ 50-60 con vào thời điểm cuối tháng 8/2019.

Công ty chế biến này lo lắng về sự phụ thuộc của tôm Ecuador đối với thị trường Trung Quốc. Trung Quốc hiện chiếm 2/3 tổng XK tôm của Ecuador. Đồng NDT mất giá cũng có thể khiến thị trường bất ổn. Nếu vì một lý do nào đó, Trung Quốc ngừng mua tôm Ecuador, giá tôm Ecuador sẽ chịu tác động mạnh.

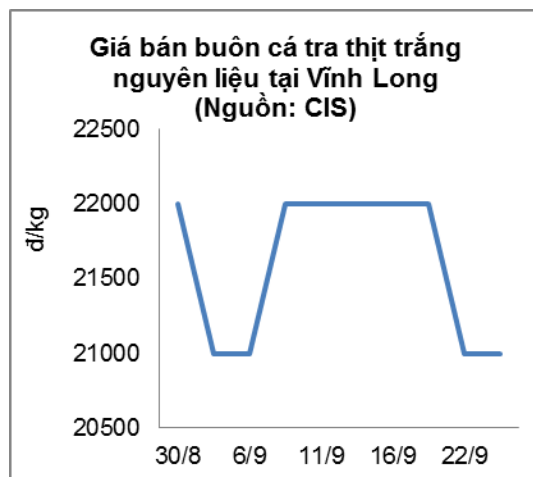
Năm 2014, Ecuador XK 30% lượng tôm XK của nước này sang Trung Quốc, tương đương 68.603 tấn, trị giá 584 triệu USD; năm 2018, 61% lượng tôm XK của Ecuador được XK sang Trung Quốc, tương đương 281.718 tấn, trị giá 1,66 tỷ USD.

Tháng 7/2019, XK tôm sang Trung Quốc chiếm 63% tổng XK tôm của Ecuador, tương đương 35.581 tấn, trị giá 202 triệu USD.

Theo dự đoán của một công ty chế biến tôm Ecuador, các đơn hàng từ Trung Quốc có thể tiếp tục tăng cùng với giá tôm Ecuador trong thời gian tới vì các nhà NK Trung Quốc đang chuẩn bị nguồn cung cho Tết Nguyên đán.

Thị trường cá tra trong nước

Sau khi nhích nhẹ trong tháng 8, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 9 trở lại xu hướng giảm do tốc độ cung tăng nhanh hơn cầu. Giá bán buôn hiện dao động trong khoảng 20.000-21.000 đ/kg đối với cá tra loại I (800-900g/con), trong khi giá thu mua tại trang trại chỉ dao động 19.000-19.500 đ/kg, mức giảm khoảng 1.000đ/kg so với tháng trước. Thị trường giao dịch trầm lắng, các công ty hiện nay hầu như rất ít bắt cá ngoài mà ưu tiên thu hoạch cá trong vùng nuôi của doanh nghiệp và thu mua theo hợp đồng liên kết với các hộ nuôi cá.

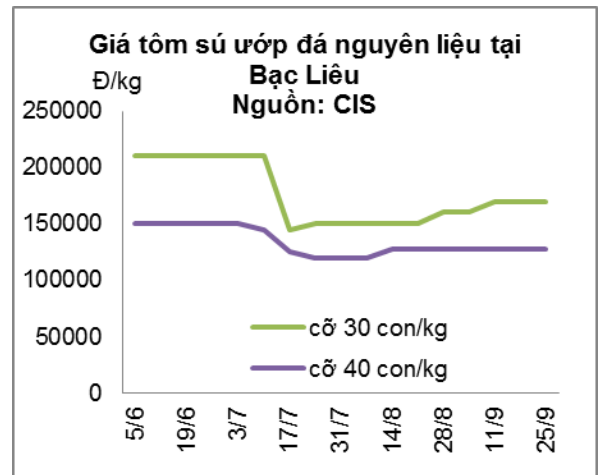


Thị trường tôm

Giá tôm nguyên liệu trong tháng 9 có xu hướng nhích lên so với tháng trước với cả tôm sú và tôm thẻ chân trắng do cung giảm. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg tăng 10.000đ so với tháng

trong nước

trước lên 190.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg tăng 20.000đ lên 170.000 đ/kg, cỡ 40 con giữ mức 128.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ược cỡ 60 con/kg tăng 16.000đ lên mức 116.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg tăng 15.000đ lên 105.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 12.000đ lên 91.000 đ/kg. Nguồn cung tôm thẻ hiện ở mức thấp, trong khi nhu cầu tăng do thị trường xuất khẩu có dấu hiệu khởi sắc khiến giá tôm thẻ có xu hướng gia tăng.



Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 8 năm 2019 ước đạt 733 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 6,23 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2018. Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019, chiếm 56,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 8 tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Đài Loan (+13,1%), Trung Quốc (+11,2%) và Mexico (+10,6%).

Xuất khẩu cá tra trong tháng 9/2019 ước đạt 174 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm lên 1.480 triệu USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2018. Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu trong tháng 9/2019 ước đạt 284 triệu USD. Lũy kế 9 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu tôm đạt 2.412 triệu USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái.

RAU QUẢ

Thị trường trong nước

Nhập khẩu xoài vào Mỹ tăng mạnh, chủ yếu từ Mỹ Latinh, do sản lượng trong nước hạn chế. Trong 9 tháng đầu năm nay, Mỹ nhập 95 triệu thùng xoài Mỹ Latinh. Trong đó, nhập khẩu từ Mexico nhiều nhất với 80 triệu thùng, tiếp đến là Ecuador trên 12 triệu thùng, Peru 12 triệu thùng, Brazil 8,5 triệu thùng và Haiti 2 triệu thùng.

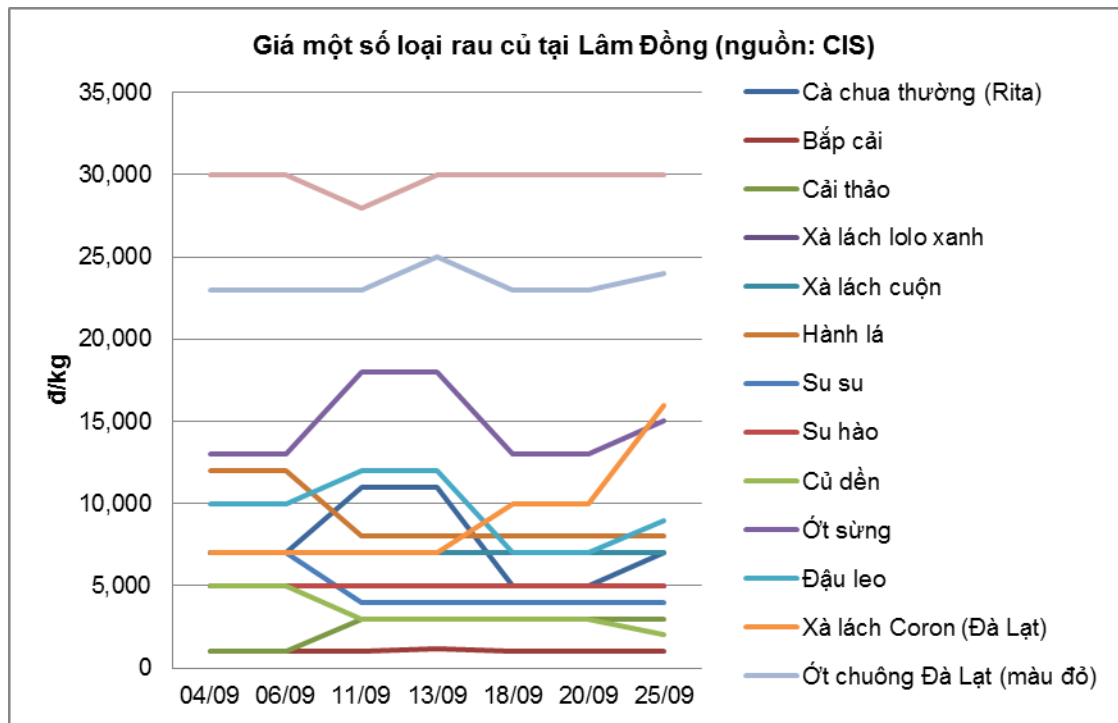
Trong nửa đầu tháng 9/2019, giá chuối tại các vùng sản xuất Trung Quốc biến động mạnh, ban đầu tăng sau đó giảm xuống, và hiện đang dần ổn định. Lý do giá tăng vào đầu tháng 9 là bởi nhu cầu mạnh lên trong dịp Tết Trung thu, nhưng sau đó do nguồn cung tăng đã khiến giá giảm. Dự kiến giá sẽ vững cho tới dịp Quốc khánh, vào đầu tháng 10 tới.

Tình hình xuất nhập khẩu

Trong tháng 9/2019, giá của nhiều mặt hàng trái cây tăng giảm liên tục. Cách đây một tháng, chanh ở ĐBSCL dao động 20.000 - 30.000 đ/kg thì nay còn 5.000 - 15.000 đ/kg. Theo người trồng chanh ở Long An, Hậu Giang, Cần Thơ..., nguyên nhân khiến giá chanh thấp là do nhu cầu tiêu thụ của thị trường giảm, trong khi cung đang vượt cầu. Mặt khác, mưa bão kéo dài khiến cho sức tiêu thụ giảm theo.

Sau thời gian rớt giá thê thảm, hiện nay, giá thanh long ruột trắng ở tỉnh Tiền Giang tăng đến hơn 15.000 đ/kg, tăng gấp 3 lần so với thời điểm giữa tháng. Với mức giá này, nhà vườn có lãi hơn 5.000 đ/kg. Theo các doanh nghiệp kinh doanh trái thanh long, giá thanh long ruột trắng tăng cao là do nhu cầu xuất khẩu trái cây này hút hàng, nhất là thị trường Trung quốc.

Sau đợt tăng giá mạnh của rau củ trong tháng trước do đợt mưa bão, ngay đầu tháng thị trường rau tại Lâm Đồng có dấu hiệu hạ nhiệt với nguồn cung đã được hồi phục và duy trì ở mức ổn định vào cuối tháng. Cụ thể, các mặt hàng phổ biến như bắp cải, cải thảo, cà chua, ớt chuông đều có dấu hiệu giảm 5.000-10.000đ/kg.



Nhìn lại 9 tháng đầu năm, thị trường nhiều loại trái cây trong nước diễn biến giảm do nhu cầu giảm đặc biệt là từ quốc gia lân cận Trung Quốc với những điều kiện khắt khe về xuất khẩu. Tuy nhiên, năm 2019 vẫn được xem là năm triển vọng của ngành hàng trái cây Việt Nam.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu rau quả tháng 9 năm 2019 ước đạt 295 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2,84 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 9/2019 ước đạt 115 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2019 đạt 1,39 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 434 triệu USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ 2018 và mặt hàng quả đạt 899 triệu USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2018.

MÍA ĐƯỜNG

Thị trường thế giới

Thị trường đường thế giới tiếp tục xu hướng đi xuống vào đầu tháng 9 do áp lực nguồn cung dư thừa trong ngắn hạn và dự báo trong dài hạn thị trường sẽ chuyển thành thiếu hụt. Tuy nhiên, sau đó có xu hướng đảo chiều do giá dầu thô tăng và hoạt động mua đầu cơ mạnh do dự báo thiếu cung trong vụ tới. Tính chung bình trong tháng, giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 4,1% so với tháng trước, đạt 11,07 Uscent/lb. giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn ICE tăng 0,9% so với tháng trước, đạt 315,38 USD/tấn.

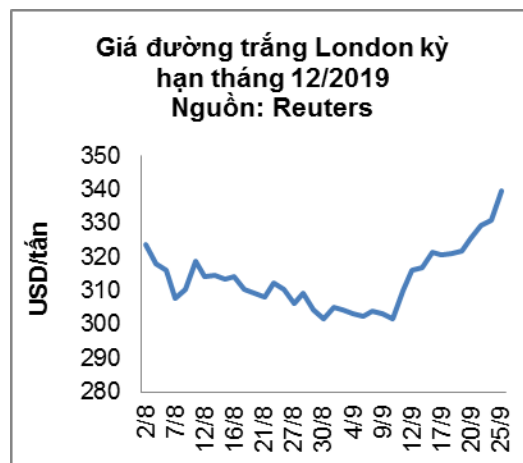
Nhiều khả năng giá đường sẽ tăng trong ngắn hạn do giá dầu thô tăng, sau đó sẽ giảm khi thị trường năng lượng đảo chiều. Mối quan hệ giữa dầu và đường là quan trọng với mẫu số chung giữa 2 thị trường là ethanol. Dầu rẻ hơn có thể khiến giá ethanol giảm và khuyến khích sản xuất đường hơn là nhiên liệu sinh học này. Về dài hạn, dự báo giá sẽ tăng khi thị trường đường thế giới chuyển sang thiếu hụt trong niên vụ 2019/2020.

Sản lượng đường của Ấn Độ có thể giảm 20% xuống 26,3 triệu tấn - mức thấp nhất trong ba năm trong năm tài chính 2019/20 sau khi hạn hán năm ngoái buộc nông dân phải hạn chế trồng mía và vì lũ lụt trong năm nay đã làm thiệt hại cây trồng ở các vùng trồng chính. Sản lượng thấp hơn có thể giúp nhà sản

xuất đường lớn nhất thế giới giảm lượng dự trữ đã được thúc đẩy sau hai năm sản lượng đạt kỷ lục và xuất khẩu thấp hơn dự kiến.

Dự đoán thị trường đường sẽ rơi vào thiếu hụt khiến nhiều nhà đầu tư tích cực mua đường vào để đầu cơ. Tuy nhiên, Ấn Độ có thể gia tăng xuất khẩu vẫn là yếu tố rủi ro lớn đối với thị trường này.

Sản lượng củ cải đường của Pháp năm nay dự báo chỉ đạt 37,7 triệu tấn, giảm mạnh so với mức trung bình 5 năm do thời tiết bất lợi.



Tập đoàn Unica của Brazil thông báo sản lượng đường thô từ đầu niên vụ 2019/20 cho tới thời điểm này đạt 20 triệu tấn, tức là thấp hơn 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tổ chức Đường Quốc tế ISO dự báo lượng đường toàn cầu thiếu hụt 4,76 triệu tấn trong niên vụ 2019/20, một phần bởi sản lượng giảm tại Ấn Độ và Thái Lan.

Trong triển vọng đầy đủ công bố lần đầu tiên đầu tiên trong niên vụ 2019/20 của ISO dự kiến sản lượng toàn cầu giảm 2,35% xuống 171,98 triệu tấn trong khi tiêu thụ tăng 1,34% lên 176,74 triệu tấn.

Thị trường trong nước

Thị trường đường vẫn diễn biến chậm với nguồn cung dồi dào đủ để đáp ứng nhu cầu mùa Trung thu. Dù là tháng giáp vụ, nhưng giá đường trong nước ít có khả năng biến động lớn do nguồn cung đủ đáp ứng nhu cầu và tác động của giá đường thế giới đang ở mức thấp.

Niên vụ 2019/2020, Nhà máy đường Nước Trong có kế hoạch chuyển sang sản xuất đường Organic, nhiều nhà máy sẽ vào vụ chậm hơn mọi năm. CTCP Mía đường Cần Thơ (Casuco) cho biết sẽ lùi ngày vào vụ ép mía, niên vụ 2019-2020, thay vì ngày 15-9 như kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do thời điểm này, mía chưa đạt chũr đường cao, nếu thu hoạch sớm sẽ gây thiệt hại cho người trồng mía. Theo đó, công ty sẽ tính toán lại sản lượng mía giống chín sớm (ROC 16), lên kế hoạch thu hoạch bảo đảm đủ 2.000 tấn mía cây/ngày cho nhà máy hoạt động liên tục khi vào vụ ép, dự kiến vào đầu tháng 10 tới.

Cùng với diễn biến bất lợi của thời tiết trong hai năm qua, diện tích mía niên vụ 2019/2020 sụt giảm nghiêm trọng (theo báo cáo của một số nhà máy đường, diện tích mía có nơi giảm 20 – 30%). Sản lượng đường vụ 2019/2020 dự kiến ở mức thấp, khả năng trên dưới 1 triệu tấn.

Năm 2019, giá bán đường trong nước xuống mức rất thấp trong 10 năm qua (10.500 – 12.300 đ/kg) sẽ tác động không tốt đến giá mía niên vụ 2019/2020, điều này không khuyến khích được nông dân đầu tư chăm sóc, trồng mía.

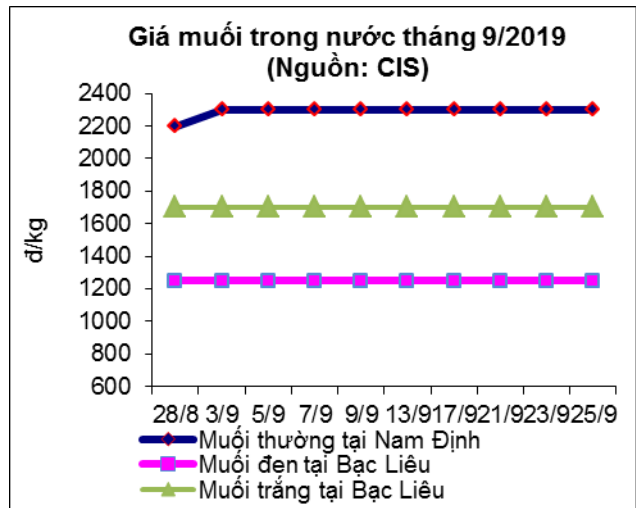
Tại Hà Nội, giá đường kính trắng hiện dao động 11.800-12.300 đ/kg; tại Miền Trung dao động 11.900-12.000 đ/kg; tại Tp.HCM 11.800-12.200 đ/kg.

MUỐI

Thị trường trong nước

Từ đầu năm đến nay tại các cánh đồng muối ở Bình Định, Tuy Phước, Phù Cát...thời tiết thuận lợi các khu vực có muối đều được mùa, sản lượng tăng cao, đồng thời sản lượng muối tồn đọng tại thời điểm này còn khá nhiều trên 6.270 tấn, do giá muối thấp, đầu ra khó khăn nên diêm dân chỉ mới tiêu thụ được 18.780 tấn. Theo số liệu của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Bình Định vụ muối năm nay diêm dân trong tỉnh sản xuất được 173 ha muối, trong đó có 125 ha muối đất, 34,7 ha muối trải bạt, 13,5 ha sản xuất công nghiệp. Kết thúc vụ, diêm dân thu hoạch được hơn 25.000 tấn muối, tăng

gần 17% so với sản lượng muối năm 2018. Muối năm nay tiêu thụ khó do hầu hết các tỉnh trong khu vực miền Trung đều trúng mùa muối, sản lượng tăng rất cao. Trong khi đó, các nhà máy chế biến muối không thu mua hết lượng muối của diêm dân sản xuất. Việc ký kết bao tiêu sản phẩm chưa được các nhà máy chế biến quan tâm nên đã xảy ra tình trạng “cung vượt cầu”, khiến giá muối rơi tự do...



Theo Trung tâm tin học và Thống kê (hệ thống cung cấp giá tại địa phương), thời điểm tháng 8, 9 bắt đầu vào mùa mưa, vụ muối kết thúc, lượng muối của diêm dân tích trữ cũng gần hết nên giá muối ở một số địa phương đang có chiều hướng tăng cao tại tháng 9/2019. Tại miền bắc Nam Định, đang bán ở mức 2.300đ/kg, giá tháng 8 là 2.200đ/kg tăng 1.000đ/kg so với tháng 8. Tại Bạc Liêu, tháng 9 muối đen giá có giá 1.200-1.300đ/kg, tháng 8 ở mức giá 800-900đ/kg tăng 400đ/kg, giá muối trắng ở mức 1.600-1.800đ/kg, tháng 8 ở mức giá 1.200-1.300đ/kg tăng 400đ/kg.

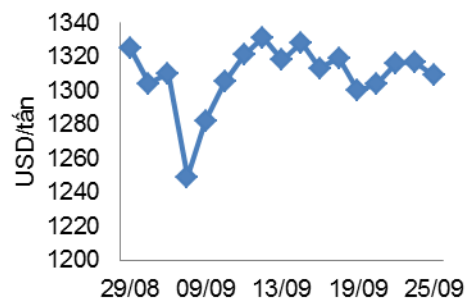
CÀ PHÊ

Thị trường thế giới

Trong tháng 9/2019, giá cà phê thế giới biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 thị trường London giảm 25 USD/tấn xuống còn 1.304 USD/tấn. Giá cà phê giảm do đồng tiền Reais của Brazil duy trì ở mức thấp tiếp tục thúc đẩy người Brazil mạnh tay bán, trong khi dự báo tình hình thời tiết thuận lợi cho các vùng trồng cà phê chính ở miền nam nước này.

Dự báo, giá cà phê trong ngắn hạn sẽ tăng do những lo ngại sản lượng vụ mùa năm 2020 tại Brazil có thể không lớn như dự kiến ban đầu. Bên cạnh đó, lực đỡ của giá mua cao từ các nhà rang xay nội địa Việt Nam cũng sẽ hỗ trợ giá cà phê.

Giá Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2019 thị trường London
(Nguồn: Reuters)



Báo cáo thị trường cà phê mới nhất của ICO cho biết, ước tính niên vụ cà phê 2018/2019 kết thúc với mức dư thừa 4,96 triệu bao, nâng dư thừa 2 niên vụ cà phê liên tiếp lên khoảng 7 triệu bao. Đây là một trong các yếu tố giải thích chính cho mức giá cà phê thấp hiện tại.

Thị trường trong nước

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 8/2019, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 100 đ/kg xuống còn 32.400 – 33.400 đ/kg. Nhìn lại 9 tháng đầu năm 2019, giá cà phê trong nước biến động giảm với mức giảm 100 – 200 đ/kg so với cuối năm 2018. Giá cà phê giảm do thị trường chịu áp lực từ dư thừa nguồn cung toàn cầu và người trồng cà phê Brazil tăng cường bán ra.

Theo UBND huyện Lạc Dương (Lâm Đồng), địa phương đang phối hợp cùng một số doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phát triển vùng cà phê công nghệ cao với diện tích khoảng 300ha. Đây chủ yếu là dòng cà phê Arabica đặc sản được trồng dưới chân núi Langbiang (thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương). Việc phát triển và hình thành vùng sản xuất cây cà phê ứng dụng công nghệ cao giúp nông dân nắm vững về khoa học kỹ thuật, có kỹ năng tốt hơn trong phát triển kinh tế trang trại, xóa bỏ tình trạng du canh du cư phát nương làm rẫy.

Khi tham gia sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao, người dân được các kỹ sư trực tiếp tập huấn, tư vấn, chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, định hướng quy trình chăm sóc cụ thể cho từng vườn cho đến khi thu hoạch. Huyện đã mời một vài doanh nghiệp trong tỉnh và một số nơi khác chuyên thu mua cà phê của Lạc Dương để làm thương hiệu riêng và chào hàng ở một số nước như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... Qua đó sẽ góp phần thúc đẩy thương hiệu cà phê Langbiang và nâng tầm giá trị của cây cà phê Arabica.

Nhãn hiệu cà phê Arabica Langbiang của huyện Lạc Dương đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp chứng nhận độc quyền từ năm 2016. Toàn huyện Lạc Dương hiện còn khoảng 4.000ha cà phê Arabica.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam

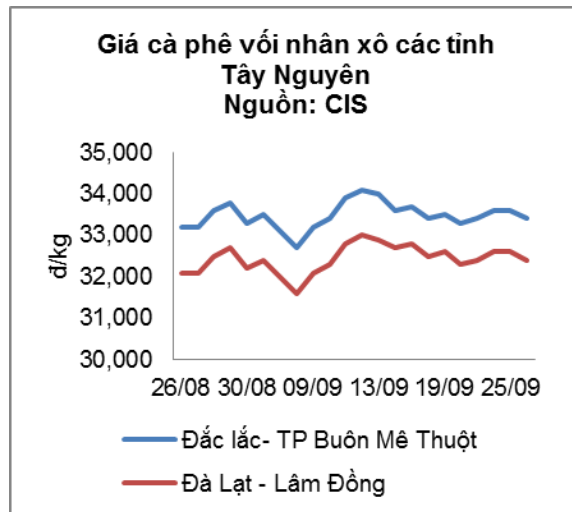
Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2019 ước đạt 81 nghìn tấn với giá trị đạt 143 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,25 triệu tấn và 2,15 tỷ USD, giảm 13,3% về khối lượng và giảm 21,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 1.709 USD/tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2018. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019 với thị phần lần lượt là 13,5% và 8,8%. Tám tháng đầu năm 2019, ngoại trừ hai thị trường Philippine và Malaysia có giá trị xuất khẩu cà phê tăng (+19,8% và +2,3%), hầu hết các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm 2018.

CHÈ

Thị trường thế giới

Nguồn cung từ vụ thu hoạch thứ hai với chất lượng tốt hơn, nhu cầu tăng đã hỗ trợ giá chè tại Ấn Độ tăng trở lại sau thời gian dài sụt giảm kể từ đầu năm. Trong phiên bán thứ 37 của Hiệp hội thương mại chè Coonoor, giá chè bình quân đạt 85,82 Rs/kg, tăng so với mức 81,37 Rs/kg đạt được trong phiên cuối tháng trước (phiên bán số 33). Thị trường chè Ấn Độ liên tục giảm trong nửa đầu năm nay bởi tình trạng dư cung. Trong tháng 7, đã có lúc giá chè bình quân tại phiên giao dịch của Hiệp hội thương mại chè Coonoor, Ấn Độ, giảm xuống còn 78,9 USD/kg - thấp nhất kể từ tháng 5 năm ngoái.

Thanh khoản cho chè Ấn Độ từ các nhà nhập khẩu Iran đã trở nên thường xuyên hơn trong hai tuần qua sau sự đình trệ đáng lo ngại kể từ cuối tháng 7, mang lại triển vọng cho các nhà xuất khẩu chè Ấn Độ



trong vụ mùa thứ hai.

Năm nay, khối lượng chè Iran nhập khẩu từ Ấn Độ đạt mức kỷ lục với giá nhìn chung cao hơn so với năm ngoái. Xuất khẩu sang quốc gia vùng Vịnh Ba Tư đã tăng hơn gấp đôi trong 7 tháng đầu năm nay ở mức 35,23 triệu kg, vượt mức 30 triệu kg đạt được trong cả năm 2018. Đơn giá chè cũng tăng 15% trong năm nay lên mức 275 USD/kg. Các nhà xuất khẩu đã lo lắng về thanh khoản khi phải đối mặt với những trục trặc trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 8. Tuy nhiên, trong hai tuần qua, thanh khoản đã trở nên bình thường.

Do các lệnh trừng phạt ngân hàng do Mỹ áp đặt, Ấn Độ và Iran đã thực hiện giao dịch thông qua tài khoản đồng rupee tại UCO Bank. Theo cơ chế này, Ấn Độ gửi tiền thanh toán bằng đồng rupee vào tài khoản của Iran để mua dầu và sau đó sử dụng nó để thanh toán cho các nhà xuất khẩu hàng hóa Ấn Độ sang Iran. Ấn Độ đã ngừng mua dầu từ Iran vì lệnh trừng phạt. Iran là nhà cung cấp dầu thô lớn thứ ba cho Ấn Độ, chỉ sau Iraq và Ả Rập Saudi.

Năm nay, Iran đã hoạt động tích cực trong thị trường chè orthodox Ấn Độ từ đầu năm.

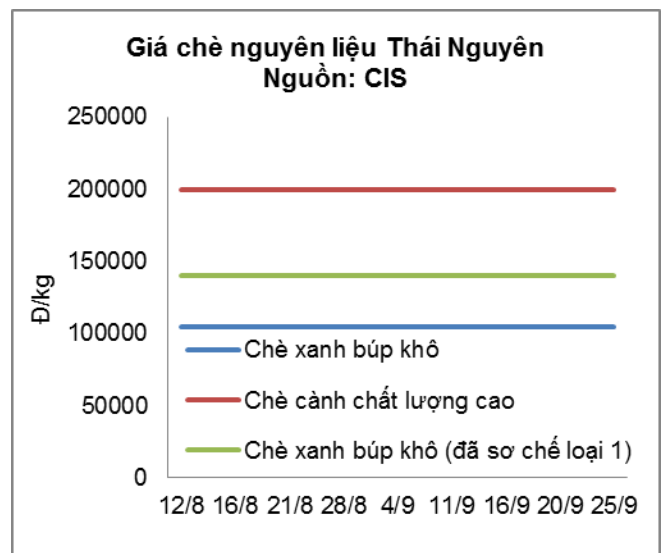
Căng thẳng gia tăng giữa Ấn Độ và Pakistan đã ảnh hưởng đến giao dịch nông sản giữa hai quốc gia trong vài tháng qua. Xuất khẩu chè, bông, cà chua từ Ấn Độ và nhập khẩu chà là, xoài và hành tây từ Pakistan đã dừng hoàn toàn sau khi Pakistan chính thức cắt đứt quan hệ thương mại với Ấn Độ để trả đũa quyết định của Ấn Độ rút lại vị thế đặc biệt cho Jammu & Kashmir theo Điều 370 của Hiến pháp. Không có dấu hiệu nào cho thấy mối quan hệ thương mại giữa hai nước sớm trở nên tốt hơn, các thương nhân đang tìm kiếm các thị trường xuất khẩu khác.

Trong bảy tháng đầu năm nay, Ấn Độ đã xuất khẩu 5,89 triệu kg chè, giảm 33,59% so với 8,87 triệu kg đạt được trong cùng kỳ năm trước, Pakistan chủ yếu nhập khẩu chè từ Nam Ấn Độ và một số lượng nhỏ từ Assam.

Theo Dipak Shah, chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu chè Nam Ấn, phần lớn Pakistan đã ngừng hoàn toàn nhập khẩu chè từ Ấn Độ. Ấn Độ hiện đang tìm kiếm các thị trường xuất khẩu khác như Malaysia, Iraq và các quốc gia Tây Phi như Mali và Burkina Faso.

Thị trường chè trong nước

Thị trường chè nguyên liệu trong nước tháng này nhìn chung ổn định, không có biến động nhiều. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Lâm Đồng, giá chè cành và chè hạt tăng nhẹ 100đ lên tương ứng mức 8.600 đ/kg và 7.200 đ/kg.



Xuất khẩu chè của Việt Nam

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè tháng 9 năm 2019 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 20 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 94 nghìn tấn và 165 triệu USD, tăng 2,4% về khối lượng và tăng 16,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 1.778 USD/tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 8 tháng đầu năm 2019, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 36,5% thị phần –

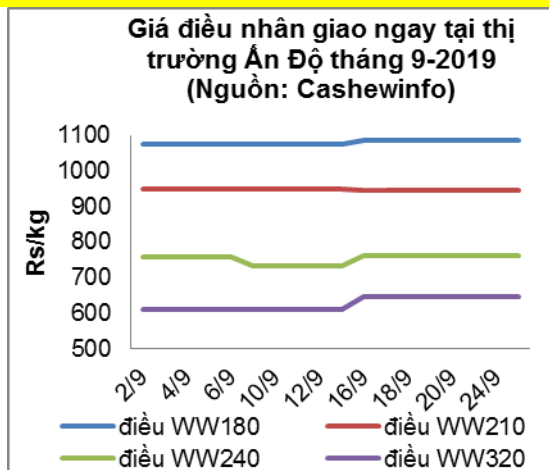
tăng 26,5% về khối lượng và tăng 14,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018.

HẠT ĐIỀU

Thị trường thế giới

Trên thị trường thế giới, giá điều Ấn Độ tiếp tục tăng trong tháng 9. Cụ thể, điều nhân WW180 ở mức 1085 Rs/kg, tăng 10 Rs/kg; điều nhân loại WW240 ở mức 762,5 Rs/kg, tăng 2,5 Rs/kg; điều nhân loại WW320 ở mức 647,5 Rs/kg, tăng 37,5 Rs/kg; riêng điều nhân loại WW210 ở mức 945 Rs/kg, giảm 5 Rs/kg so với đầu tháng.

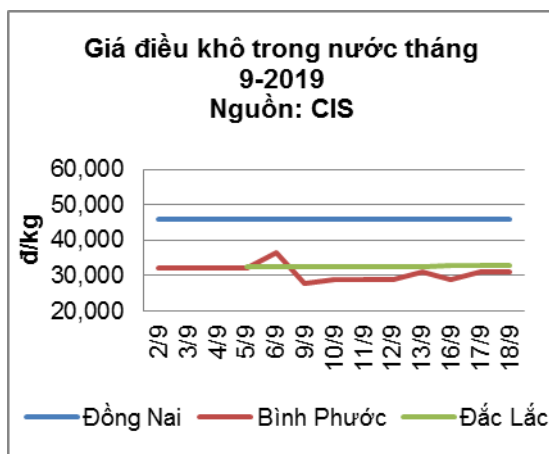
Hiện tại, ngành chế biến hạt điều Việt Nam chủ yếu chế biến điều nguyên liệu từ Tây Phi vụ thu hoạch 2019. Hạt điều nguồn gốc Tanzania có thể có mặt trên thị trường thế giới từ cuối tháng 10 hoặc tuần đầu tiên của tháng 11. Mặc dù có khối lượng lớn hơn, song điều vụ 2018 có rủi ro cao hơn so với hạt điều mới thu hoạch năm nay. Các chuyên gia đánh giá đây là thời điểm tốt nhất cho khách mua quốc tế mua hạt điều Việt Nam.



Thị trường trong nước

Trong tháng 9, giá điều nguyên liệu diễn biến trái chiều. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước giảm 1.000 đ/kg, từ 32.000 đ/kg xuống còn 31.000 đ/kg, có lúc giảm còn 28.000 đ/kg; điều thô mua xô tại Đắc Lắc tăng 400 đ/kg lên 32.800 đ/kg; tại Đồng Nai ổn định ở mức 46.000 đ/kg.

Tính trong 9 tháng, giá điều tại Bình Phước giảm từ 43.000 đ/kg (tháng 1) xuống còn 31.000 đ/kg (hiện nay).



Xuất khẩu điều của Việt Nam

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (CIS), khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 9 năm 2019 ước đạt 42 nghìn tấn với giá trị 290 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 328 nghìn tấn và 2,4 tỷ USD, tăng 20,9% về khối lượng nhưng giảm 5,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 7.358 USD/tấn, giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2018. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 32,6%, 15,5% và 9,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Tám tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Trung Quốc (35,4%), Bỉ (+30,8%) và Đức (+20,3).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 9/2019 ước đạt 143 nghìn tấn với giá trị đạt 160 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị hạt điều nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2019 đạt 1,28 triệu tấn và giá trị đạt 1,66 tỷ USD, tăng 32,3% về khối lượng nhưng giảm 15,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2019 là Bờ Biển Ngà, chiếm 37,5% thị phần, tăng 28,5% về khối lượng nhưng giảm 15,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong 8 tháng đầu năm giá trị nhập khẩu hạt điều tăng mạnh nhất là Indonesia (+46,1%).

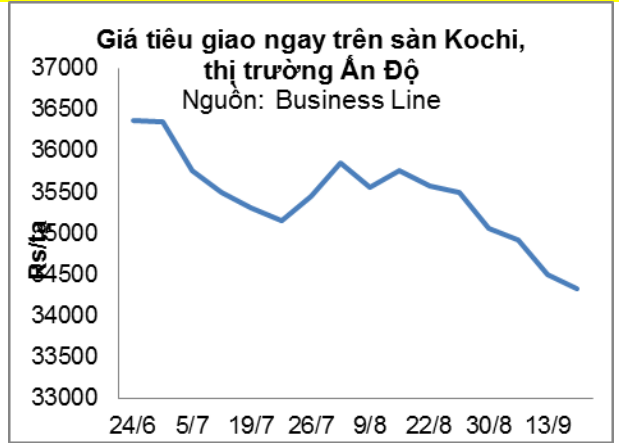
Khuyến nghị

Với thị trường xuất khẩu điều hạt, dự kiến giá điều sẽ tiếp tục phục hồi với tín hiệu lạc quan trong thời gian tới, đặc biệt là từ quý IV.

Thị trường thế giới

Trong tháng 9/2019, giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ biến động giảm với mức giảm 960 Rs/tạ xuống còn 34.100 Rs/tạ. Giá tiêu Ấn Độ giảm do nhu cầu yếu.

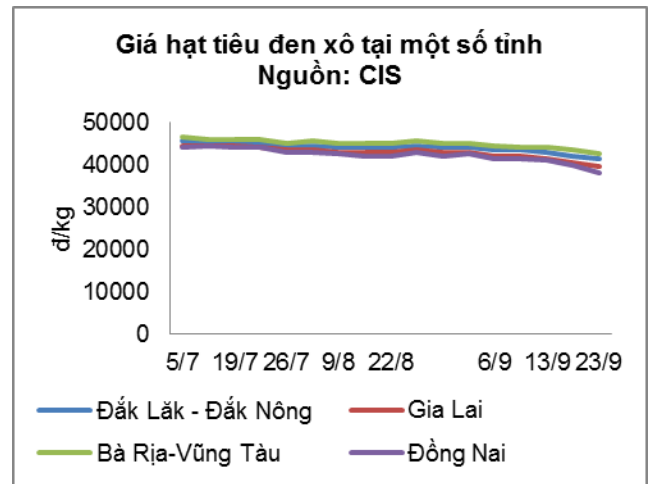
Giá hạt tiêu giảm do nguồn cung trên thế giới tăng. Tuy nhiên, riêng ở Việt Nam, chất lượng bị ảnh hưởng một phần từ việc sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật quá mức nên giá giảm hơn so với hạt tiêu một số quốc gia khác. 5 năm trước đây, hạt tiêu Việt Nam dẫn đầu thế giới về năng suất và sản lượng nhưng 2 năm trở lại đây, nhiều quốc gia như Brazil, Ấn Độ, Indonesia trở thành đối thủ cạnh tranh với Việt Nam về sản lượng cũng như chất lượng; trong đó, đáng quan tâm nhất là hạt tiêu Brazil có chất lượng tốt hơn với 80% lượng bán ra thị trường thế giới đạt tiêu chuẩn hữu cơ.



Trong 8 tháng đầu năm nay, trong khi xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường đều giảm về giá trị do ảnh hưởng của xu hướng giảm giá trên thị trường toàn cầu thì xuất khẩu sang thị trường Đức lại tăng mạnh về cả khối lượng và giá trị. Trong bối cảnh xuất khẩu hạt tiêu đang đối diện với nhiều khó khăn và sức ép cạnh tranh lớn thì việc Việt Nam ký kết thành công Hiệp định EVFTA sẽ là cơ hội tốt cho ngành hồ tiêu Việt Nam. Đối với Hiệp định EVFTA, các nước EU cam kết xóa bỏ thuế quan đối với sản phẩm hạt tiêu (mã HS 09.04) ngay khi hiệp định có hiệu lực. Do vậy, EVFTA sẽ là đòn bẩy tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào các nước EU (đặc biệt là đối với các sản phẩm chế biến trước đây có mức thuế từ 5-9%).

Thị trường trong nước

Thị trường hạt tiêu trong nước biến động giảm trong tháng 9/2019. So với tháng trước, giá tiêu tại Đắc Lắc, Đắc Nông và Bà Rịa Vũng Tàu giảm 2.500 đ/kg xuống còn 41.500 – 42.500 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 4.500 đ/kg xuống mức 38.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm 3.500 đ/kg xuống 39.500 đ/kg. Nhìn lại 9 tháng đầu năm 2019, giá tiêu trong nước trong xu hướng giảm nguồn cung toàn cầu tăng. Giá tiêu tại Đắc Lắc, Đắc Nông và Bà Rịa Vũng Tàu giảm 10.500 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 13.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm 11.500 đ/kg.



Năm 2019 được đánh giá là năm rất khó khăn với ngành hồ tiêu Việt Nam khi giá bán giảm, tăng trưởng chậm so với cùng kỳ. Để nâng cao sức cạnh tranh và tận dụng được lợi thế của các hiệp định thương mại, ngành hồ tiêu phải đổi mới mô hình tăng trưởng, chú trọng chất lượng ngay từ khâu nguyên liệu để tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

Việt Nam hiện có khoảng 100.000 ha hồ tiêu cho thu hoạch với năng suất trung bình khoảng 24,7 tạ/ha, tương đương sản lượng khoảng 247.000 tấn. Tuy nhiên trong khi giá hồ tiêu vẫn ở mức rất thấp thì chi phí sản xuất lại có chiều hướng tăng, ít nhất 10% so với năm 2017.

Xuất khẩu

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khối lượng tiêu xuất

khẩu tháng 9 năm 2019 ước đạt 14 nghìn tấn, với giá trị đạt 34 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 232 nghìn tấn và 590 triệu USD, tăng 21,8% về khối lượng nhưng giảm 7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 2.547 USD/tấn, giảm 23,5% so với cùng kỳ năm 2018. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đức, Pakistan và Hà Lan với 37,3% thị phần.

CAO SU

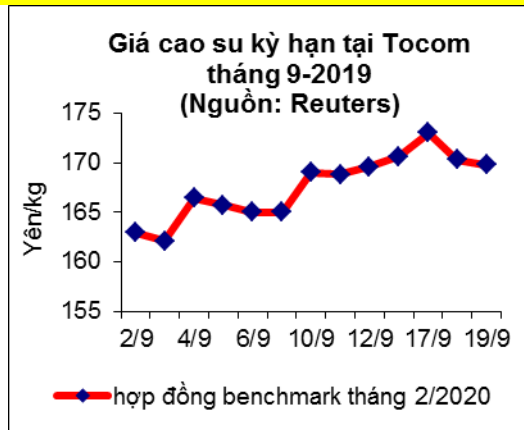
Thị trường thế giới

Tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Tokyo (Tocom), giá cao su diễn biến tăng trong tháng 9 do được hỗ trợ bởi đồng Yên giảm, giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải tăng khi các nhà đầu tư tìm cách mua vào. Giá cao su hợp đồng benchmark tháng 2/2020 cuối phiên 19/9 tăng 0,7 yên (tương đương 0,4%) lên 171 yên (1,58 USD)/kg - mức cao nhất gần 1 tháng nhờ được hỗ trợ bởi đồng yên giảm so với đồng USD, tăng 8,1 yên (tương đương 4,9%) so với phiên 2/9.

Một thỏa thuận thương mại Mỹ - Nhật Bản đã gặp trở ngại vào phút cuối, khi các quan chức Nhật Bản tìm kiếm sự đảm bảo rằng chính quyền Trump sẽ không áp dụng thuế quan an ninh quốc gia đối với ô tô và phụ tùng ô tô do Nhật Bản sản xuất.

Mối lo ngại về thương mại Mỹ - Trung gia tăng sau khi các quan chức Trung Quốc bất ngờ hủy chuyến thăm đến các trang trại tại Montana và Nebraska, khi kết thúc 2 ngày đàm phán tại Washington.

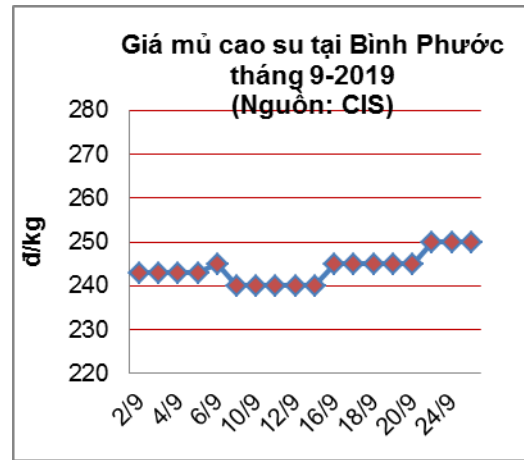
Trên thị trường physical, giá cao su RSS3 Thái Lan ngày 23/9 ở mức 1,52 USD/kg, giảm 0,03 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,38 USD/kg, tăng 0,01 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,35 USD/kg, tăng 0,01 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,37 USD/kg, ổn định so với ngày 4/9.



Thị trường trong nước

Thị trường cao su nguyên liệu biến động tăng nhẹ trong tháng 9. Tại Bình Phước, giá mủ tăng từ 240 đồng/độ lên 245 đồng/độ. Giá mủ tại Đồng Nai không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg. Tính trong 9 tháng, giá mủ cao su tại Bình Phước tăng cao nhất vào khoảng tháng 5, đạt 280 - 290 đồng/độ, sau đó giá vào chu kỳ giảm đến nay còn khoảng 240 - 245 đồng/độ.

Trên thị trường xuất khẩu, Trung Quốc vẫn luôn duy trì là nhà nhập khẩu lớn nhất đối với nhóm hàng cao su tổng hợp, với kim ngạch nhập khẩu trong năm 2018 chiếm 27,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của thế giới.



Xuất khẩu cao su của Việt Nam

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (CIS), ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 9 năm 2019 đạt 159 nghìn tấn với giá trị đạt 207 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,12 triệu tấn và 1,53 triệu USD, tăng 8,9% về khối lượng và tăng 7,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao su xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2019 đạt 1.371 USD/tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt là 63,9%, 8,8% và 3,3%.

Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 9/2019 đạt 64 nghìn tấn với giá trị đạt 102 triệu USD,

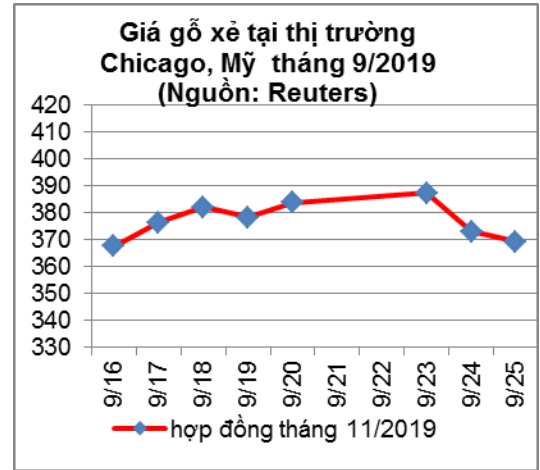
đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 9 tháng đầu năm đạt 502 nghìn tấn với giá trị 855 triệu USD, tăng 15,2% về khối lượng và tăng 7,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Năm thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 8 tháng đầu năm 2019 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia, Lào và Đài Loan chiếm 61,2% thị phần. Trong 8 tháng đầu năm 2019, giá trị nhập khẩu cao su tăng mạnh nhất là Pháp (gấp 2,1 lần). Ngược lại, Thái Lan là thị trường có giá trị nhập khẩu cao su giảm mạnh (-26,2%).

GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Thị trường thế giới

Thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) diễn biến tăng ở giữa tháng 9/2019. Trong đó, hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2019 kết thúc phiên ngày 18/9 ở mức 382 USD/tbf, đầu tháng 9 là 360,8 USD/tbf.

Tại Trung Quốc đồ gỗ ngoài trời ngày càng phổ biến. Các sản phẩm đồ gỗ ngoài trời có nhiều loại như: giường bãi biển, ghế mây, ghế giải trí, ghế tre, và các mặt hàng đồ gỗ ngoài trời khác. Trong phân khúc này, ghế mây và ghế giải trí chiếm tỷ trọng lớn nhất. Nhu cầu đối với thị trường đồ gỗ ngoài trời đã được mở rộng từ các lĩnh vực chuyên ngành, chẳng hạn như khách sạn hạng sao, nhà hàng, câu lạc bộ, địa điểm giải trí và cộng đồng dân cư, đến khu vực gia đình, bao gồm vườn riêng, mái nhà và sân thượng. Phát triển trong lĩnh vực nhà ở gia đình đang là động lực chính thúc đẩy thị trường đồ gỗ ngoài trời.



Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam

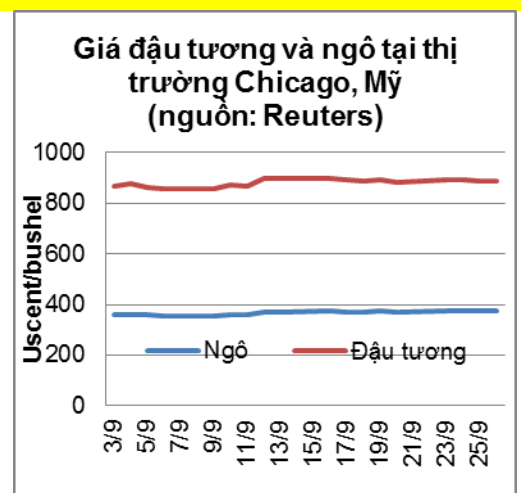
Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 8/2019 sang thị trường Chile đạt 1,65 triệu USD. Hiện nay nhiều sản phẩm gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có mặt tại thị trường này và được người dân Chile yêu thích. Ngoài việc đẩy mạnh đầu tư, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào đây, các doanh nghiệp Việt Nam cũng có thể thông qua Chile để tiếp cận sâu hơn vào thị trường Mỹ Latinh. Tuy nhiên để vào thị trường Chile các doanh nghiệp cần chú ý đầy đủ giấy tờ hợp pháp, các quy chuẩn an toàn do cơ quan chức năng của Chính phủ cấp. Bên cạnh đó là đầu tư công nghệ và mẫu mã phù hợp với thị yếu của thị trường này.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Thị trường thế giới

Theo nguồn tin Reuters, thị trường ngô và đậu tương tại Chicago, Mỹ trong tháng 9/2019 diễn biến giảm vào đầu nửa tháng và tăng trở lại vào các phiên giao dịch từ giữa tháng tới nay. Cụ thể, mức giá vào thời điểm đầu tháng của mặt hàng đậu tương là 868 Uscent/bushel, tăng lên mức giá 889 Uscent/bushel vào cuối tháng. Tương tự mặt hàng ngô cũng tăng lên 11 Uscent/bushel lên mức giá 373 Uscent/bushel. Nguyên nhân chính là do Trung Quốc đạt được một số thỏa thuận thương mại trong việc nhập khẩu nông sản Mỹ, trong đó có mặt hàng đậu tương.

Được biết, các nhà nhập khẩu Trung Quốc đã mua ít nhất 10 lô hàng đậu tương Mỹ trong ngày thứ năm (12/9/2019), tương đương khoảng 60.000 tấn, xuất khẩu từ cảng Tây Bắc Thái Bình Dương. Trung Quốc lần đầu tiên mua đậu tương Mỹ trong 1 tháng và đây là



mức lớn nhất kể từ ít nhất tháng 6/2019, trước cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung diễn ra vào đầu tháng 10/2019 tại Washington. Các quan chức Mỹ - Trung cấp thấp hơn dự kiến sẽ gặp nhau trong vài ngày tới. Động thái này của Trung Quốc cho thấy, căng thẳng thương mại Mỹ-Trung có thể hạ nhiệt.

Thị trường trong nước

Đối với thị trường trong nước, do ảnh hưởng của đợt dịch tả Châu Phi nhu cầu thức ăn chăn nuôi giảm khiến giá giảm. Tuy nhiên, giá thức ăn chăn nuôi loại khác như dành cho chăn nuôi thủy sản lại gia tăng.

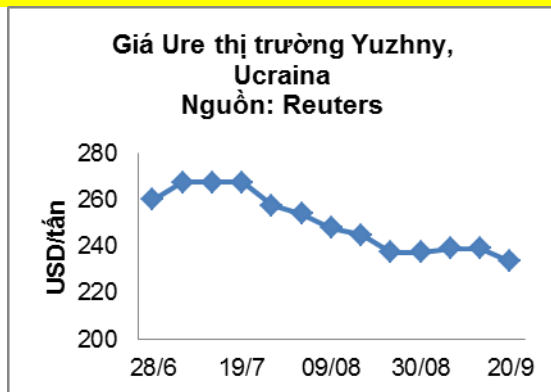
Ước giá trị nhập khẩu nhóm mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 9/2019 ước đạt 266 triệu USD, đưa tổng giá trị thức ăn gia súc và nguyên liệu nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2019 lên 2,85 tỷ USD, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2018. Argentina, Hoa Kỳ và Brazil là 3 thị trường nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 39,6%, 17% và 6%. Trong đó, thị trường có tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2018 là Hungari (gấp gần 4 lần). Ngược lại, giá trị nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của Brazil giảm mạnh nhất, với mức giảm là 52,2%. Trong nhóm các sản phẩm có cán cân thương mại ở trạng thái thâm hụt, nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu có mức chênh lệch giữa giá trị nhập khẩu và giá trị xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2019 đạt gần 2,12 tỷ USD, tăng 4,8% so với thâm hụt thương mại cùng kỳ năm 2018.

PHÂN BÓN

Thị trường thế giới

Giá của tất cả tám loại phân bón chính trên thị trường Mỹ đều thấp hơn so với tháng trước.

DAP có giá trung bình 480 USD/tấn, giảm 11 USD/tấn so với tháng trước; MAP 478 USD/tấn, giảm 17 USD/tấn; Kali 384 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn; Urê 404 USD/tấn, giảm 9 USD/tấn; phân bón 10-34-0 là 471 USD/tấn, giảm 4 USD/tấn; anhydrous 509 anhydrous, giảm 21 anhydrous; UAN28 là 254 anhydrous, giảm 3 anhydrous; và UAN32 là 289 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn.



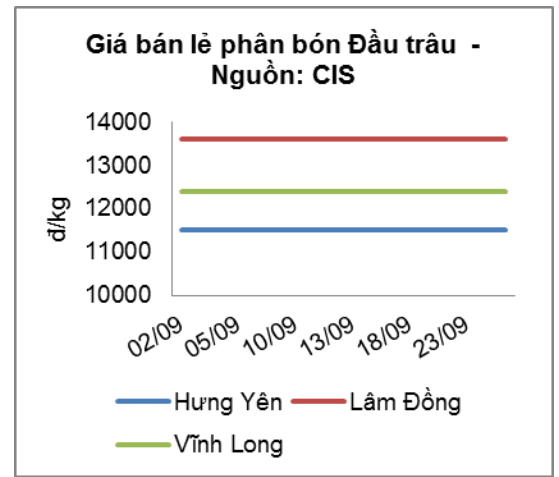
Khi giá đã giảm thấp hơn trong những tuần gần đây, hai loại phân bón hiện rẻ hơn so với một năm trước. MAP giảm 8% và DAP thấp hơn 3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Sáu loại phân bón chính còn lại tiếp tục cao hơn so với năm ngoái. Anhydrous đắt hơn 3%, UAN32 cao hơn 4%, cả Urê và 10-34-0 đều đắt hơn 5%, trong khi cả Kali và UAN28 đều cao hơn 6% so với năm ngoái.

Thị trường trong nước

Tháng qua, giá các loại phân bón ổn định. Phân Urê do trong nước sản xuất như Urê Phú Mỹ và Đạm Cà Mau, Urê Ninh Bình và Urê Hà Bắc tại ĐBSCL đang ở mức 360.000 - 390.000 đồng/bao. Còn nhiều loại Urê nhập khẩu từ Trung Quốc, Indonesia, Nga, Malaysia, Qatar... giá 350.000 - 400.000 đồng/bao.

Các loại phân DAP sản xuất trong nước như DAP Đình Vũ, DAP Cà Mau có giá 500.000 - 640.000 đồng/bao, trong khi nhiều loại DAP nhập khẩu từ Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc có giá từ 600.000 - 780.000 đồng/bao, tùy loại. NPK 20-20-15 Đầu Trâu và NPK 20-20-15 Cò Bay có giá 600.000 - 630.000 đồng/bao, Kali (Nga, Canada, Israel) 400.000 - 440.000 đồng/bao...



Nhập khẩu

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 9 năm 2019 đạt 263 nghìn tấn với giá trị 70 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị phân bón nhập khẩu 9 tháng đầu năm đạt 2,79 triệu tấn và 780 triệu USD, giảm 9,8% về khối lượng và giảm 11,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân đạm URE ước đạt 315 nghìn tấn với giá trị đạt 90 triệu USD, giảm 13,4% về khối lượng và giảm 12,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018; phân SA ước đạt 706 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 89 triệu USD, giảm 1,7% về khối lượng và giảm 3,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Nguồn phân bón nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 chủ yếu từ Trung Quốc chiếm 33,8% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này, giảm 0,5% về khối lượng và giảm 2,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong 8 tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị nhập khẩu mặt hàng phân bón các loại tăng mạnh là: Philipin (gấp 2,39 lần), Lào (+48,1%). Ngược lại, thị trường có giá trị nhập khẩu mặt hàng phân bón giảm mạnh nhất trong 8 tháng đầu năm 2019 là Canada (-45,9%).

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

Phát triển xuất khẩu hồ tiêu bền vững trong bối cảnh hội nhập

Năm 2019 được đánh giá là năm rất khó khăn với ngành hồ tiêu Việt Nam khi giá bán giảm, tăng trưởng chậm so với cùng kỳ. Để nâng cao sức cạnh tranh và tận dụng được lợi thế của các hiệp định thương mại, ngành hồ tiêu phải đổi mới mô hình tăng trưởng, chú trọng chất lượng ngay từ khâu nguyên liệu để tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

Việt Nam hiện có khoảng 100.000 ha hồ tiêu cho thu hoạch, với năng suất trung bình khoảng 24,7 tạ/ha, tương đương sản lượng khoảng 247.000 tấn. Tuy nhiên trong khi giá hồ tiêu vẫn ở mức rất thấp thì chi phí sản xuất lại có chiều hướng tăng, ít nhất 10% so với năm 2017. Đây cũng là lý do trong 8 tháng đầu năm 2019, Việt Nam dù đã xuất khẩu tiêu đạt 224.000 nghìn tấn, tăng 27,9% so với cùng kỳ, nhưng kim ngạch lại giảm nhẹ 2,1% và chỉ đạt 571 triệu USD, do giá xuất khẩu giảm 23,4%.

Về xuất khẩu hồ tiêu, trong giai đoạn 2012 - 2017, xuất khẩu hồ tiêu đã đạt kết quả quan trọng với lượng xuất khẩu tăng 20%/năm, là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong nhóm hàng nông lâm thủy sản. Thị phần xuất khẩu mặt hàng hồ tiêu Việt Nam đã tăng từ 47% lên đến 60% thị trường thế giới.

Tuy nhiên, năm 2018, giá tiêu giảm đã ảnh hưởng đến ngành hồ tiêu Việt Nam, xuất khẩu hồ tiêu đang và sẽ tiếp tục đối mặt với khó khăn do giá ở mức thấp khi cung lớn hơn cầu và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới. Nhu cầu thế giới hiện khoảng 510.000 tấn/năm và bình quân mỗi năm chỉ tăng 2 - 3%, trong khi sản lượng hồ tiêu toàn cầu tăng 8 - 10%. Sản lượng hồ tiêu toàn cầu năm 2018 đạt 557.000 tấn và dự kiến đạt 602.000 tấn năm 2019. Dự báo đến 2050, sản lượng hạt tiêu thế giới sẽ tăng lên 1 triệu

tấn và nhu cầu tiêu dùng hạt tiêu thế giới cũng tăng lên, nhưng chưa cân đối với nguồn cung. Do vậy, giá tiêu có thể vẫn còn bấp bênh trong một thời gian nữa.

Đối với hoạt động chế biến, hiện nay Việt Nam có khoảng 200 doanh nghiệp chế biến, kinh doanh hồ tiêu; có 60 doanh nghiệp chế biến và trực tiếp xuất khẩu, trong đó 18 doanh nghiệp chế biến lớn với công suất khoảng 80.000 tấn/năm, 14 nhà máy có hệ thống xử lý hồ tiêu qua hơi nước với công nghệ tương đối hiện đại, đạt tiêu chuẩn ASTA, ESA, JSSA. Sản phẩm hồ tiêu chế biến chủ yếu bao gồm: tiêu đen, tiêu trắng, tiêu nghiền bột; ngoài ra còn có các sản phẩm có số lượng ít như: tiêu đỏ, tiêu xanh, tiêu đỏ ngâm nước muối... trong đó, tiêu trắng (tiêu sọ) có giá trị gia tăng cao thì chỉ chiếm 10 - 15% tổng sản lượng.

Cơ hội đến từ hội nhập

Trong bối cảnh xuất khẩu hồ tiêu tiếp tục đối diện nhiều khó khăn và sức ép cạnh tranh lớn thì các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết gần đây như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được đánh giá là cơ hội mở rộng xuất khẩu cho ngành hồ tiêu. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đánh giá, đối với mặt hàng hồ tiêu, Hiệp định CPTPP có 9 nước cam kết xóa bỏ ngay lập tức thuế quan gồm: Úc, New Zealand, Canada, Malaysia, Singapore, Brunei, Chile, Peru, Nhật Bản. Riêng thị trường Mexico cam kết xóa bỏ thuế theo lộ trình 16 năm đối với mặt hàng hồ tiêu xanh. Đáng chú ý, trong các nước CPTPP, chỉ có Malaysia là nước có sản xuất hồ tiêu đáng kể, tuy nhiên, tỷ lệ xuất khẩu không nhiều, chỉ chiếm khoảng 3% lượng xuất khẩu toàn cầu. Do vậy, có thể nói hồ tiêu Việt Nam có lợi thế cạnh tranh khá lớn trong các nước CPTPP (đặc biệt là đối với 03 nước chưa có Hiệp định thương mại nào với Việt Nam là Canada, Mexico và Peru).

Đối với Hiệp định EVFTA, các nước EU cam kết xóa bỏ thuế quan đối với sản phẩm hạt tiêu (mã HS 0904) ngay khi hiệp định có hiệu lực. Do vậy, EVFTA có hiệu lực sẽ là đòn bẩy tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào các nước EU (đặc biệt là đối với các sản phẩm chế biến trước đây có mức thuế từ 5 - 9%).

Như vậy, đối với hồ tiêu, công tác đàm phán mở cửa thị trường về thuế quan, về quy tắc xuất xứ đã được thực hiện tốt trong thời gian qua. Do đó, để có thể tận dụng tốt các cơ hội nêu trên, doanh nghiệp cần phải chủ động tìm hiểu thông tin về các Hiệp định để nắm vững cam kết giữa Việt Nam và các thị trường đối tác, đặc biệt là các thông tin về ưu đãi thuế quan, các yêu cầu về chất lượng, quy tắc xuất xứ hàng hóa. Bên cạnh đó, trên thực tế, giá bán hồ tiêu sẽ phụ thuộc vào chủng loại hạt cũng như chất lượng của hạt (nếu cùng chủng loại), do đó, để nâng cao giá bán cho hồ tiêu, biện pháp cốt lõi nằm ở khâu trồng trọt và khâu sau thu hoạch. Do vậy, ngành hồ tiêu cần đổi mới mô hình tăng trưởng trong thời gian tới, chú trọng về chất lượng ngay từ khâu nguyên liệu để tạo ra sản phẩm chất lượng cao và tham gia vào các thị trường có giá trị gia tăng cao để nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

Phát triển xuất khẩu hồ tiêu bền vững: Cần sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương

Trong thời gian qua, Bộ Công Thương đã và đang thường xuyên phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như các địa phương tổ chức rất nhiều các buổi tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền và phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý cũng như cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu về chuỗi cung ứng sản xuất, chế biến, xuất khẩu, cách thức nâng cao tỷ lệ tận dụng ưu đãi của các Hiệp định thương mại tự do, bao gồm cả các FTA thế hệ mới như CPTPP, RCEP... góp phần vào tăng trưởng xuất khẩu bền vững nông sản nói chung và hồ tiêu nói riêng của Việt Nam. Các doanh nghiệp cần chủ động liên hệ với các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực trực thuộc Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương để được hướng dẫn cụ thể, chi tiết nhằm tận dụng tốt cơ hội thị trường thông qua ưu đãi từ các

Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã và đang tích cực thực hiện công tác quảng bá hồ tiêu ở thị trường nước ngoài đồng thời hỗ trợ Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại của mình, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực Đông Bắc Á, Trung Đông, Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU. Các chương trình xúc tiến thương mại này được triển khai trên cơ sở thường xuyên, định kỳ đã và sẽ tạo cơ hội thiết thực cho các doanh nghiệp củng cố, mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời, Bộ Công Thương luôn theo dõi sát sao, cập nhật tình hình diễn biến giá cả, tiến độ xuất khẩu hạt tiêu, những biến động của thị trường thế giới, nghiên cứu dự báo tình hình thị trường xuất khẩu, nhập khẩu để kịp thời thông báo, phổ biến, hướng dẫn các Hiệp hội, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm định hướng, tổ chức kế hoạch sản xuất, kinh doanh cho phù hợp, kịp thời chuẩn bị, ứng phó với những biến động của thị trường.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương luôn chủ động nắm bắt tình hình áp dụng các rào cản kỹ thuật, biện pháp bảo hộ mậu dịch của các nước đối với hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam, kịp thời thông tin cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan hữu quan và các doanh nghiệp, đồng thời đấu tranh có hiệu quả đối với các rào cản kỹ thuật bất hợp lý trong các cuộc họp song phương, phiên họp của các Ủy ban liên Chính phủ, diễn đàn khu vực và đa phương (như đối với EU khi gia tăng mức dư lượng tối đa cho phép MRLs cho hạt tiêu nhập khẩu, đối với Ấn Độ khi gia tăng mức giá nhập khẩu tối thiểu MIP cho hạt tiêu nhập khẩu).

Để phát triển xuất khẩu hồ tiêu bền vững trong bối cảnh hiện nay, cần phải có sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương. Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tiếp tục tái cơ cấu ngành hồ tiêu đảm bảo đáp ứng đúng tín hiệu của thị trường. Theo đó, cần kiểm tra, giám sát công tác sản xuất hồ tiêu nguyên liệu, duy trì diện tích trồng hồ tiêu khoảng 100.000 - 120.000 ha, diện tích cho sản phẩm 95.000 ha, năng suất bình quân trong khoảng 25 - 27 tạ/ha, sản lượng ổn định trong khoảng 237.000 - 256.000 tấn từ nay cho đến năm 2030, để nâng cao chất lượng nguyên liệu hạt tiêu; trên cơ sở đó, tái cơ cấu ngành hồ tiêu theo hướng thâm canh bền vững, giảm hoá chất (thuốc bảo vệ thực vật), áp dụng IPM trong sản xuất và hướng tới các tiêu chuẩn chứng nhận về nông nghiệp sạch như VietGAP, GlobalGAP; nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm để đưa hồ tiêu Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi phân phối nông sản toàn cầu. Đồng thời, xây dựng chuỗi liên kết doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu với người trồng hồ tiêu; áp dụng thí điểm mô hình liên kết có cấp chứng nhận, mã số vùng trồng tại một số địa phương trồng hồ tiêu lớn đáp ứng nhu cầu một số thị trường yêu cầu cao về chất lượng và có thể kiểm soát qua thông tin chỉ dẫn địa lý.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ đặc thù đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn nói chung và hồ tiêu nói riêng; chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn cho lĩnh vực nông nghiệp (trong đó có ngành hồ tiêu), có chính sách ưu đãi về lãi suất đối với các khoản vay này.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các tỉnh có diện tích trồng hồ tiêu cần triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về duy trì, giám sát, kiểm tra diện tích trồng hồ tiêu đúng theo quy hoạch; khuyến khích các mô hình liên kết chuỗi từ khâu trồng, chế biến và tiêu thụ hồ tiêu thông qua các hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất tại địa phương để thông qua các mô hình này, người trồng hồ tiêu sẽ thực hiện thâm canh bền vững, tiến tới áp dụng các chứng chỉ về nông nghiệp sạch nhằm nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm hồ tiêu của địa phương.

Các giải pháp về thị trường mà Bộ Công Thương cũng như các Bộ, ngành, địa phương đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ đem lại những thay đổi tích cực về mặt cơ cấu thị trường, theo đó thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam dần dần được mở rộng và đa dạng hóa, đồng

thời cũng sẽ định hướng cho sự phát triển của sản xuất trong nước, góp phần nâng cao thu nhập của nông dân.

Lưu ý sử dụng thông tin: Đây là Bản tin hàng tuần của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các số Bản tin được phát hành hàng tuần và cuối tháng phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong Bản tin chỉ mang tính tham khảo, khuyến nghị. Cục Chế biến và Phát triển thị trường rất mong nhận được sự góp ý, phản hồi, trao đổi thông tin của độc giả để Bản tin phục vụ ngày càng chất lượng, hiệu quả.